

Tăng tỷ trọng

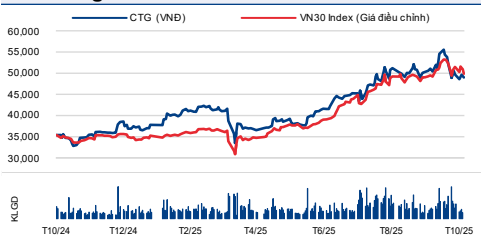
Giá mục tiêu: VNĐ60,000

Tiềm năng tăng/giảm: 22.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (31/10/2025)	49,000
Mã Bloomberg	CTG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	32,835-55,552
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	49,090
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	263,130
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	9,999
Slg CP lưu hành (tr.đv)	5,370
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,611
Slg CP NN được mua (tr.đv)	199
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	26.3%
Tỷ lệ freefloat	15.8%
Cổ đông lớn	NHNN Việt Nam (64.5%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Tổng tài sản (ntđ)	2,385	2,731	3,093
Dư nợ cho vay (ntđ)	1,722	2,015	2,337
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	81.9	90.7	104
Lợi nhuận thuần (ntđ)	25.3	32.1	37.2
BVPS (đồng)	27,474	32,805	39,151
EPS (đồng)	4,720	5,975	6,922
DPS (đồng)	0	0	0
T.trưởng cho vay KH (%)	16.9	17.0	16.0
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	16.1	10.7	14.7
Tăng trưởng EPS (%)	27.4	26.6	15.8
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0
ROAE (%)	18.6	19.8	19.2
ROAA (%)	1.15	1.25	1.28
Tỷ lệ NIM (%)	2.93	2.69	2.86
Tỷ lệ CIR (%)	27.5	27.7	27.1
Hệ số CAR (%)	9.56	9.84	10.2
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.25	1.20	1.20
LLR/nợ xấu (%)	171	173	161
Hệ số LDR (%)	107	110	111
P/B (lần)	1.78	1.49	1.25
P/E (lần)	10.4	8.20	7.08
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Vietinbank là ngân hàng vốn nhà nước lớn thứ hai tại Việt Nam với danh mục cho vay cân bằng giữa các phân khúc khách hàng.

Chuyên viên phân tích

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài

ha.phien@hsc.com.vn

+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Nguyễn Thanh Tùng, CFA

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính

tung.nguyenthanh@hsc.com.vn

+84 24 3933 4693 Ext. 4869

LNTT Q3 tăng mạnh 62%, sát với dự báo

- CTG đã ghi nhận LNTT Q3 tăng mạnh 62% chủ yếu nhờ chi phí dự phòng giảm xuống, trong khi tăng trưởng tổng thu nhập hoạt động vẫn thấp do thu nhập ngoài lãi kém tích cực.
- Tăng trưởng tín dụng đạt 15,6% kể từ đầu năm, cao hơn tốc độ tăng trưởng tín dụng của hệ thống. Tỷ lệ NIM hồi phục nhẹ so với quý trước lên 2,61% nhờ chi phí huy động giảm xuống và lợi suất cho vay cải thiện. Chất lượng tài sản cải thiện với tỷ lệ nợ xấu giảm xuống 1,1% và tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR tăng lên 177%, trong khi chi phí dự phòng giảm 37%.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 2,8% trong 1 tháng qua, CTG đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,33 lần, cao hơn so với bình quân quá khứ nhưng thấp hơn so với bình quân nhóm NHTM có vốn nhà nước, trong khi hệ số ROE dự phóng năm 2026 cao hơn và PEG thấp hơn. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2025 vào ngày 30/10/2025

LNTT Q3/2025 tăng mạnh 62% so với cùng kỳ nhờ chi phí dự phòng giảm 37% so với cùng kỳ, trong khi tổng thu nhập hoạt động tăng trưởng thấp (chỉ tăng 2,7% so với cùng kỳ) do thu nhập ngoài lãi giảm 16% so với cùng kỳ. Nhìn chung, tổng thu nhập hoạt động thấp hơn một chút so với dự báo, trong khi LNTT sát với kỳ vọng do chi phí dự phòng thấp hơn dự báo của chúng tôi.

Tín dụng & huy động: Tăng trưởng mạnh, thanh khoản thắt chặt

Tín dụng tăng trưởng 15,6% so với đầu năm, được dẫn dắt bởi phân khúc bán lẻ (tăng 16% so với đầu năm), tiếp theo là phân khúc DNNVV (tăng 14%) và doanh nghiệp lớn (tăng 13%). Phân khúc FDI, mặc dù tăng 21% so với đầu năm, chỉ đóng góp khoảng 6% tổng dư nợ cho vay. So với quý trước, tăng trưởng tín dụng bán lẻ và DNNVV tăng tốc, trong khi cho vay doanh nghiệp tăng chậm lại.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 3/11.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD, CTG

LNTT trong Q3 tăng 62% nhờ chi phí dự phòng giảm

Tỷ đồng	Q3/24	Q3/25	So với cùng kỳ	9T24	9T25	So với cùng kỳ	% 2025 HSCF
Thu nhập lãi thuần	15,578	17,176	10.3%	46,091	48,494	5.2%	72.5%
Thu nhập ngoài lãi	6,339	5,324	-16.0%	14,533	15,377	5.8%	64.5%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	1,801	1,587	-11.9%	5,466	4,632	-15.3%	64.6%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	609	546	-10.3%	3,139	2,565	-18.3%	58.2%
Lãi tự doanh	(185)	230	N/m	(262)	803	N/m	73.0%
Thu nhập khác	3,963	2,831	-28.6%	5,828	7,007	20.2%	65.2%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	151	129	-14.6%	361	369	2.2%	90.0%
Tổng thu nhập HĐ	21,916	22,500	2.7%	60,624	63,870	5.4%	70.4%
Chi phí HĐ	(6,095)	(6,022)	-1.2%	(15,976)	(17,388)	8.8%	69.1%
Lợi nhuận HĐ trước trích lập dự phòng	15,821	16,478	4.1%	44,647	46,482	4.1%	70.9%
Chi phí dự phòng	(9,269)	(5,863)	-36.7%	(25,135)	(16,947)	-32.6%	67.1%
LNTT	6,553	10,614	62.0%	19,513	29,535	51.4%	73.3%
Lợi nhuận thuần	5,159	8,449	63.8%	15,503	23,538	51.8%	73.4%

Nguồn: CTG, HSC

Nguồn vốn huy động thị trường 1 (tiền gửi khách hàng & giấy tờ có giá) tăng 11,4% so với đầu năm và tăng 0,5% so với quý trước, khiến tỷ lệ LDR điều chỉnh (tổng tín dụng/tổng huy động thị trường 1) tăng lên 102% từ bình quân 98% trong 4 quý gần nhất. Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn duy trì ổn định so với quý trước ở mức 25% nhưng đã cải thiện đáng kể 2 điểm phần trăm so với cùng kỳ.

Tiền gửi KBNN tăng 28 nghìn tỷ đồng so với quý trước và 7 nghìn tỷ đồng so với đầu năm, đóng góp khoảng 6% tổng nợ phải trả chịu lãi (tăng từ 5% trong Q2/2025 nhưng giảm từ 6,6% tại thời điểm cuối năm 2024). Điều này phản ánh nỗ lực của Chính phủ nhằm duy trì mặt bằng lãi suất ở mức thấp.

Tỷ lệ NIM tăng với quý trước nhờ chi phí huy động hạ nhiệt

Tỷ lệ NIM đã phục hồi 7 điểm cơ bản so với quý trước lên 2,61% song vẫn giảm 30 điểm cơ bản so với Q4/2024. Phần lớn mức sụt giảm so với Q4/2024 này diễn ra trong Q1/2025, sau đó NIM được duy trì tương đối ổn định.

Chi phí huy động giảm 5 điểm cơ bản so với quý trước do chi phí tiền gửi giảm 6 điểm cơ bản, khả năng nhờ môi trường huy động thuận lợi hơn trong Q2/2025. Điều này cũng được phản ánh qua việc nguồn vốn huy động từ KBNN trên bảng cân đối của CTG giảm xuống trong thời gian này.

Lợi suất gộp đã cải thiện trong quý thứ 2 liên tiếp, tăng 3 điểm cơ bản so với quý trước (sau khi tăng 10 điểm cơ bản trong Q2/2025), trong khi lợi suất cho vay bình quân cũng tăng 3 điểm cơ bản so với quý trước. Điều này cho thấy những nỗ lực của Ngân hàng nhằm giảm sức ép từ chi phí huy động.

Thu nhập ngoài lãi nhìn chung kém tích cực, giảm 16% so với cùng kỳ

Thu nhập ngoài lãi giảm nhẹ ở tất cả các mảng kinh doanh trong Q3/2025: Lãi thuần HĐ dịch vụ giảm 12% so với cùng kỳ, lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối giảm 10% so với cùng kỳ và thu nhập khác giảm 29% so với cùng kỳ. Lãi HĐ kinh doanh nguồn vốn đạt 230 tỷ đồng trong Q3/2025 sau khi lỗ 185 tỷ đồng trong Q3/2024, nhưng giá trị đóng góp không đáng kể.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2025, thu nhập ngoài lãi tăng 5,8% so với cùng kỳ chủ yếu nhờ thu nhập khác tăng mạnh (tăng 20% so với cùng kỳ, chủ yếu đến từ thu nhập từ thu hồi nợ xấu), trong khi lãi thuần HĐ dịch vụ và lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối giảm nhẹ. Nhìn chung, thu nhập ngoài lãi không đạt kỳ vọng và là nguyên nhân chính khiến tổng thu nhập hoạt động thấp hơn dự báo.

Chất lượng tài sản cải thiện rõ rệt

Chất lượng tài sản cải thiện đáng kể so với quý trước với tỷ lệ nợ xấu giảm xuống 1,1% từ 1,3% trong Q2/2025 và 1,25% trong Q4/2024. Tỷ lệ nợ nhóm 2 vẫn ổn định so với quý trước ở mức 1,08% trong khi tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR tăng lên 177% từ 135% trong Q2/2025.

Tỷ lệ nợ xấu mới hình thành âm trong Q3/2025 cho thấy khả năng hoàn nhập nợ xấu trở về nhóm 1 – chúng tôi cho rằng đây là một sự kiện không thường xuyên. Đây có thể là động lực giúp lợi nhuận tăng mạnh với chi phí dự phòng giảm 37% so với cùng kỳ trong Q3/2025 và giảm 33% so với cùng kỳ trong 9 tháng đầu năm 2025.

Chi phí hoạt động được kiểm soát tốt

Chi phí hoạt động được kiểm soát tốt, giảm 1,2% so với cùng kỳ trong Q3/2025, trong khi tổng thu nhập hoạt động tăng 2,7% so với cùng kỳ. Tính chung 9 tháng đầu năm 2025, chi phí hoạt động tăng 8,8% so với cùng kỳ, cao hơn một chút so với tăng trưởng tổng thu nhập hoạt động (5,4%). Hệ số CIR vẫn ổn định ở mức khoảng 27-28%, tương đương bình quân năm 2024. Số lượng nhân viên gần như đi ngang so với đầu năm.

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu giảm 2,8% trong 1 tháng qua, CTG đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,33 lần, cao hơn so với bình quân quá khứ ở mức 1,19 lần nhưng thấp hơn 12,9% so với bình quân nhóm NHTM có vốn nhà nước, với hệ số ROE dự phóng năm 2026 cao hơn ở mức 17,6% (so với so với bình quân nhóm NHTM có vốn nhà nước ở mức 15,6%). PEG dự phóng năm 2026 là 0,38 lần, thấp hơn cả bình quân các cổ phiếu trong phạm vi phân tích của chúng tôi ở mức 0,5 lần và bình quân nhóm NHTM có vốn nhà nước ở mức 0,66 lần, mức định giá hấp dẫn. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi	133	124	142	168	196
Chi phí lãi	(79.7)	(62.1)	(74.8)	(87.3)	(101)
Thu nhập lãi thuần	53.0	62.4	66.9	81.0	94.9
Lãi thuần HĐ dịch vụ	7.11	6.70	7.17	7.79	8.47
Lãi thuần HĐ KDNH	4.25	4.20	4.41	4.63	4.86
Lãi/lỗ từ mua bán CK	0.14	(0.20)	1.10	0.15	0.15
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.29	0.39	0.41	0.43	0.45
Thu nhập khác	5.80	8.42	10.7	10.00	10.8
Tổng thu nhập HĐ	70.5	81.9	90.7	104	120
Chi phí HĐ	(20.4)	(22.5)	(25.2)	(28.2)	(31.7)
LN trước dự phòng	50.1	59.4	65.5	75.8	87.9
Chi phí dự phòng	(25.1)	(27.6)	(25.3)	(29.1)	(33.9)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	25.0	31.8	40.3	46.6	54.0
Chi phí thuế TNDN	(4.94)	(6.28)	(8.06)	(9.33)	(10.8)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.14)	(0.13)	(0.14)	(0.15)	(0.16)
Lợi nhuận thuần	19.9	25.3	32.1	37.2	43.0
EPS (đồng)	3,706	4,720	5,975	6,922	8,016
DPS (đồng)	0	0	0	0	0
Slg CP bình quân (triệu đv)	5,370	5,370	5,370	5,370	5,370
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	5,370	5,370	5,370	5,370	5,370
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	5,370	5,370	5,370	5,370	5,370

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	9.76	11.1	17.1	20.2	24.3
Tiền gửi tại NHNN	40.6	34.4	38.5	46.3	53.3
Tiền gửi tại các TCTD khác	280	378	416	437	459
Chứng khoán kinh doanh	2.49	2.80	2.80	2.96	3.05
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	1,446	1,685	1,973	2,292	2,660
Tổng dư nợ cho vay	1,473	1,722	2,015	2,337	2,711
Dự phòng rủi ro	(27.8)	(36.7)	(41.8)	(45.2)	(51.5)
Chứng khoán đầu tư	181	215	224	234	247
CK đầu tư sẵn sàng để bán	181	189	198	208	218
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0.86	26.6	26.6	26.6	29.3
Dự phòng rủi ro	(0.25)	(0.59)	(0.59)	(0.59)	(0.59)
Đầu tư dài hạn	3.43	3.93	3.93	3.93	3.93
Tài sản cố định	10.1	10.0	9.86	9.73	9.59
Tài sản khác	59.6	44.7	45.6	46.5	47.4
Tổng tài sản	2,033	2,385	2,731	3,093	3,507
Nợ phải trả	1,907	2,237	2,554	2,881	3,256
Tiền gửi của NHNN	21.8	154	162	113	68.0
Tiền gửi của các TCTD khác	304	276	295	328	357
Tổng tiền gửi KH	1,411	1,606	1,831	2,106	2,422
Trái phiếu và CCTG	115	152	212	276	345
Nợ khác	53.8	48.1	52.7	57.7	63.3
Vốn chủ sở hữu	125	148	176	210	250
Vốn điều lệ	53.7	53.7	53.7	53.7	53.7
Thặng dư vốn cổ phần	8.97	8.97	8.97	8.97	8.97
Lợi nhuận giữ lại	42.4	58.4	80.8	107	138
Quỹ & vốn khác của CSH	20.0	26.5	32.7	40.5	49.6
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.86	0.97	1.11	1.26	1.42
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	2,033	2,385	2,731	3,093	3,507
BVPS (đồng)	23,279	27,474	32,805	39,151	46,553

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	12.4	17.4	14.5	13.2	13.4
Tăng trưởng cho vay KH (%)	15.6	16.9	17.0	16.0	16.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	12.9	13.9	14.0	15.0	15.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	13.9	15.2	16.2	16.6	16.2
Tăng trưởng VCSH (%)	16.2	18.0	19.4	19.3	18.9
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	10.8	17.8	7.16	21.2	17.1
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	6.51	10.3	11.6	12.2	12.2
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	11.5	18.5	10.4	15.6	16.0
Tăng trưởng LNTT (%)	18.3	27.1	26.8	15.8	15.8
Tăng trưởng LN thuần (%)	17.6	27.4	26.6	15.8	15.8

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	3.67	3.71	3.55	3.57	3.62
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.06)	(1.02)	(0.98)	(0.97)	(0.96)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	94.7	96.3	97.2	97.3	97.4
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.86	3.31	3.63	4.12	4.69
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	17.8	22.7	28.8	33.3	38.6

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	13.2	10.4	8.20	7.08	6.11
P/B (lần)	2.10	1.78	1.49	1.25	1.05
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0	0	0

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	28.2	30.9	35.4	35.7	36.0
ROAA (%)	1.04	1.15	1.25	1.28	1.30
ROAE (%)	17.1	18.6	19.8	19.2	18.7
Chi phí huy động BQ (%)	4.55	3.07	3.19	3.28	3.37
Lợi suất góp BQ (%)	7.30	5.85	5.70	5.94	6.11
Lợi suất thuần (%)	2.75	2.78	2.51	2.66	2.74
Tỷ lệ NIM (%)	2.91	2.93	2.69	2.86	2.95
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	10.1	8.17	7.90	7.49	7.08
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	75.1	76.2	73.7	77.9	79.4
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	14.9	15.6	18.4	14.6	13.6
Tỷ lệ CIR (%)	29.0	27.5	27.7	27.1	26.5
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0	0	0

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	9.31	9.56	9.84	10.2	10.6
VCSH/Tổng TS (%)	6.15	6.18	6.45	6.80	7.13
Đòn bẩy vốn (lần)	16.3	16.2	15.5	14.7	14.0

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.13	1.25	1.20	1.20	1.20
Hệ số LLR (%)	167	171	173	161	158

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	104	107	110	111	112
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	16.6	13.6	12.6	12.1	11.4
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	72.5	72.2	73.8	75.6	77.3

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	1,116	1,116	1,116	1,116	1,116
Số lượng nhân viên	24,642	24,731	24,978	25,228	25,480

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn